ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /UBND-NNMT	*Gia Lai, ngày tháng 11 năm 2025*
V/v thông tin về kết quả thực hiện các giải pháp hỗ trợ nông dân, phục hồi phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững trên địa bàn tỉnh	

Kính gửi: Hội Nông dân Việt Nam

Thực hiện Văn bản số 9890/VPCP-NN ngày 14/10/2025 của Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh thông tin về kết quả thực hiện các giải pháp hỗ trợ nông dân, phục hồi phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững trên địa bàn tỉnh thời gian qua và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ nông dân, phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời gian tới, cụ thể như sau:

A. Kết quả thực hiện các giải pháp hỗ trợ nông dân, phục hồi phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững

I. Về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

1.Về trồng trọt

1.1. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng

Để nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân, UBND tỉnh Bình Định (cũ) ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định; UBND tỉnh Gia Lai (cũ) ban hành Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 về Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả sang phát triển cây trồng có giá trị kinh tế cao và thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030, kết quả cụ thể như sau:

- Năm 2025, các địa phương trong tỉnh đã thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả với diện tích 13.108 ha (trong đó: Đất trồng lúa thường xuyên bị hạn 5.965 ha, đất trồng sắn 6.253 ha, đất trồng mía 86 ha, đất trồng điều 381 ha, đất trồng tiêu 125 ha, đất trồng cà phê 42 ha, đất trồng cao su 99 ha, đất trồng chè 156 ha). Chuyển sang các cây trồng như: Khoai lang 963 ha, rau các loại 2.101 ha, đậu đỗ các loại 517 ha, ngô 904 ha, lạc 3.194 ha, mè 381 ha, thuốc lá 704 ha, cỏ chăn nuôi 495 ha, cây hàng năm khác 3.200 ha, cây ăn quả 635 ha, cây lâu năm 15 ha, cụ thể:

+ Khu vực Đông Gia Lai (tỉnh Bình Định cũ): Diện tích chuyển đổi 7.042 ha (đất trồng lúa 4.691 ha, đất trồng mía 78 ha, đất trồng sắn 2.273 ha). Chuyển sang các cây trồng như: Ngô 884 ha, lạc 3.194 ha, mè 385 ha, đậu đỗ 513 ha, rau màu 1.572 ha, cỏ chăn nuôi 495 ha.

+ Khu vực Tây Gia Lai (tỉnh Gia Lai cũ): Diện tích chuyển đổi 6.066 ha (đất trồng lúa 1.274 ha, đất trồng sắn 3.981 ha, đất trồng mía 8 ha, đất trồng điều 381 ha, đất trồng tiêu 125 ha, đất trồng cà phê 42 ha, đất trồng cao su 99 ha, đất trồng chè 156 ha). Chuyển sang các cây trồng như: Khoai lang 963 ha, rau các loại 529 ha,

ngô 21 ha, thuốc lá 704 ha, cây hằng năm khác 3.200 ha, cây lâu năm 15 ha, cây ăn quả 635 ha.

- UBND tỉnh Bình Định (cũ) đã ban hành Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ giai đoạn 2021 - 2025. Kết quả từ năm 2021 đến nay, UBND tỉnh (cũ) đã hỗ trợ 22.444,8 triệu đồng. Trong đó, hỗ trợ chuyển đổi trên đất trồng lúa 4.736, 5 triệu đồng, đất trồng mía 203,4 triệu đồng, đất trồng sắn 4.868 triệu đồng; hỗ trợ chuyển đổi từ 3 vụ lúa/năm sang 2 vụ lúa/năm 12.636,9 triệu đồng.

1.2. Công tác tuyên truyền, tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân

- Tổ chức 01 lớp tập huấn phổ biến các quy định kiểm dịch thực vật của thị trường Trung Quốc, EU và các nước; kiến thức về thiết lập, xây dựng, giám sát vùng trồng, cơ sở đóng gói trái cây xuất khẩu cho 76 học viên là đại diện các cơ quan quản lý, đơn vị chuyên môn, doanh nghiệp, hợp tác xã, nông hội, tổ nông hội sản xuất cây ăn quả trong tỉnh. Qua tập huấn, các học viên được truyền đạt các yêu cầu chung về thiết lập, giám sát vùng trồng và cơ sở đóng gói; các kiến thức về quy định nhập khẩu của các thị trường; các tiêu chuẩn quốc tế về biện pháp kiểm dịch thực vật…

- Tổ chức 40 lớp tập huấn kỹ thuật điều tra, chăm sóc, phòng trừ sinh vật hại cây trồng cho 1.400 nông dân tại các địa phương trong tỉnh.

- Thực hiện 5 phóng sự chuyên đề về hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng, hướng dẫn xây dựng mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu; đồng thời hướng dẫn các vùng trồng, cơ sở đóng gói tuân thủ các quy định của các Nghị định thư theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

1.3. Hỗ trợ sản xuất theo các tiêu chuẩn

Hỗ trợ cho các doanh nghiệp và nông dân trên địa bàn tỉnh sản xuất theo tiêu chuẩn được 70.675,56 ha cây trồng. Trong đó có: 6.976 ha cây trồng được cấp chứng nhận VietGAP; 6.084,56 ha được cấp chứng nhận GlobalGAP; 44.246 ha được cấp chứng nhận 4C; 194 ha được cấp chứng nhận Organic, 13.175 ha được cấp chứng nhận Rainforest Alliance).

1.4. Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói

- Tổ chức tập huấn, hỗ trợ thiết lập và quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Tính đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn tỉnh có 308 mã số vùng trồng (10.703,4 ha), trong đó có 255 mã số vùng trồng xuất khẩu (10.246,51 ha) và 53 mã số vùng trồng nội địa (456,89 ha), 40 mã số cơ sở đóng gói trái cây xuất khẩu (công suất 1.650 - 1.800 tấn quả tươi/ngày, chủ yếu trái cây xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand...).

- Về mã số vùng trồng đã thiết lập, xây dựng, hoàn thiện hồ sơ và đã gửi Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để đàm phán với nước nhập khẩu cấp mã số vùng trồng: Có 134 mã với diện tích 2.705,91 ha, cụ thể: Chuối 35 mã với diện tích 642,9 ha; sầu riêng 66 mã với diện tích 1.474,37 ha; chanh leo 15 mã với diện tích 226,88 ha; ớt 13 mã với diện tích 220,56 ha; bưởi 03 mã với diện tích 100 ha; hồ tiêu 02 mã với diện tích 41,2 ha.

2. Về chăn nuôi

2.1. Hỗ trợ phục hồi sản xuất và phát triển chăn nuôi

- Chỉ đạo triển khai các biện pháp kiểm soát dịch bệnh trên đàn vật nuôi; đặc biệt là dịch tả heo châu Phi, cúm gia cầm, lở mồm long móng; hỗ trợ vaccin tiêm phòng, hướng dẫn tổ chức tiêm phòng định kỳ cho đàn gia súc, gia cầm, vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi, hướng dẫn xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Tỉnh đã ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi như: Chính sách khuyến khích nuôi gà thả đồi, chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ,…,theo đó hỗ trợ cho nông dân về chi phí con giống, chi phí vật tư phối giống nhân tạo, chi phí nâng cấp chuồng trại, ứng dụng công nghệ hiện đại,…Kết quả: Hỗ trợ con giống theo chính sách khuyến khích nuôi gà thả đồi cho 36 lượt hộ chăn nuôi tại Hoài Ân và Tây Sơn, Vĩnh Thạnh (thuộc tỉnh Bình Định, trước sắp xếp) với tổng đàn 110.400 con gà, tổng kinh phí là 656.400.000 đồng. Công tác lai tạo đàn bò đạt kết quả tích cực, tỷ lệ bò lai không ngừng được nâng cao, đến nay ước đạt 92%.

- Nhiều cơ sở chăn nuôi của hộ gia đình đã nâng cấp cở sở, mở rộng quy mô, ứng dụng công nghệ cao. Nhờ đó chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển dịch mạnh từ quy mô nông hộ nhỏ lẻ sang hình thức trang trại tập trung, áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học và liên kết chuỗi giá trị tập trung, ứng dụng công nghệ cao, an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, giảm dần quy mô chăn nuôi nông hộ. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh có khoảng 780 trang trại chăn nuôi, trong đó 130 trang trại quy mô lớn, 423 trang trại quy mô vừa, 227 trang trại quy mô nhỏ.

2.2. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi theo hướng hàng hoá, liên kết chuỗi giá trị

Hỗ trợ kết nối, xây dựng liên kết chăn nuôi giữa nông dân và doanh nghiệp; khuyến khích phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác chăn nuôi. Hiện trên địa bàn tỉnh có 05 chuỗi liên kết với 201 trại của các công ty như: CP Việt Nam, Japfa Comfeed, CJ Vina Agri, GreenFeed, Hồng Hà Bình Định. Bên cạnh đó, có 13 hợp tác xã liên kết với các hộ sản xuất theo chuỗi: 03 hợp tác xã liên kết nuôi dê, 03 hợp tác xã liên kết nuôi ong, 04 hợp tác xã liên kết nuôi heo, 02 hợp tác xã liên kết nuôi gia cầm, 01 hợp tác xã nuôi yến. Các chuỗi liên kết chăn nuôi ngày càng đa dạng và mở rộng, giúp nông dân sản xuất ổn định, yên tâm đầu ra sản phẩm.

2.3. Hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực nông dân; tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật

Năm 2025, trên địa bàn tỉnh Bình Định *(trước sắp xếp)* đã tổ chức 5 lớp tập huấn để tuyên truyền về chính sách và hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng gà thả đồi cho 220 hộ chăn nuôi tại 5 huyện miền núi, trung du; 04 lớp tập huấn tại 04 địa phương *(An Nhơn, Hoài Ân, Phù Mỹ, Tây Sơn)* cho 200 hộ chăn nuôi nhằm tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong chăn nuôi; đồng thời, hướng dẫn quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, thân thiện với môi trường; các biện pháp thu gom, xử lý chất thải trong chăn nuôi.

2.4. Hỗ trợ nông dân phục hồi phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững

Tham mưu Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Gia Lai, ước tính hỗ trợ 2.626 triệu đồng; hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật cho 03 hộ trên địa bàn xã Pờ Tó và Ia Grai với số tiền: 75.480.000 đồng nhằm phục hồi công tác chăn nuôi heo cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

3. Về thủy sản

3.1. Tình hình sản xuất

- Tính đến ngày 22/10/2025, toàn tỉnh có 5.775 tàu cá có chiều dài từ 6 mét trở lên được đăng ký (*Vùng bờ: 1.804 tàu, vùng lộng: 789 tàu, vùng khơi: 3.182 tàu)* được cập nhật đầy đủ lên Hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (Vnfishbase). Sản lượng khai thác thủy sản 10 tháng đầu năm ước đạt 251.167 tấn, tăng 3% so với cùng kỳ (+6.455 tấn) (năm 2024: 244.712 tấn) đạt 86% so với kế hoạch năm 2025 (293.760 tấn). Trong đó cá ngừ đại dương đạt 12.053 tấn, bằng 97% so với cùng kỳ (-372,4 tấn) (năm 2024: 12.425,4 tấn).

- Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản toàn tỉnh đạt trên 5.210 ha; Sản lượng năm 2024 đạt 18.769 tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ. Nghề nuôi thủy sản đã tạo sinh kế ổn định cho khoảng 2.500 hộ dân, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế nông thôn ven biển và vùng hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện.

3.2. Kết quả thực hiện các giải pháp hỗ trợ

* Về khai thác thuỷ sản:

Toàn tỉnh đang quyết liệt triển khai các giải pháp cấp bách chống khai thác IUU nhằm cơ cấu lại đội tàu khai thác theo hướng giảm áp lực khai thác và bảo vệ bền vững nguồn lợi.

- Hỗ trợ ổn định đời sống cho chủ tàu cá và hộ gia đình có tàu cá không đủ điều kiện tham gia khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh

UBND tỉnh ban hành Quyết định 2181/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 về việc tạm ứng kinh phí cho các xã, phường để chi hỗ trợ ổn định đời sống đối với tàu cá không đủ điều kiện tham gia khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh, với tổng số tiền 4.405.380.360 đồng cho 424 tàu cá với 2.157 nhân khẩu. Đồng thời hướng dẫn UBND các xã phường cách thức chi hỗ trợ ổn định đời sống đối với tàu cá không đủ điều kiện tham gia khai thác thủy sản.

- Xây dựng Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản và đào tạo nghề cho lao động ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 15/04/2025 về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản và đào tạo nghề cho lao động ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc với UBND các xã/phường có hộ ngư nghiệp và tàu thuyền khai thác thủy sản để triển khai về nội dung Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản và đào tạo nghề cho lao động ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Công tác tuyên truyền: Thành lập Đoàn công tác liên ngành phối hợp, làm việc với các tỉnh phía Nam để trực tiếp gặp gỡ, tuyên truyền, vận động, yêu cầu ngư dân không vi phạm khai thác IUU, ký cam kết không vi phạm vùng biển nước ngoài.

Tổ chức 03 lớp tập huấn tuyên truyền các văn bản pháp luật về biển, đảo và

chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU) tại Cát Tiến, Đề Gi và Hoài Nhơn với hơn 500 người dân tham dự; tổ chức tập huấn, tuyên truyền về Luật Thủy sản 2017, các văn bản hướng dẫn Luật, các quy định chống khai thác IUU, quy định về đảm bảo an toàn tàu cá và kiến thức An toàn thực phẩm tàu cá cho hơn 150 ngư dân trên địa bàn phường Hoài Nhơn Đông và Hoài Nhơn Bắc.

Cung cấp trên 10 lượt thông tin cho các Đài phát thanh, truyền hình tỉnh, báo chí để xây dựng phóng sự, viết tin bài tuyên truyền phổ biến rộng rãi cho ngư dân, doanh nghiệp, người làm công tác quản lý thủy sản tại địa phương trên Bản tin sản xuất và thị trường nông lâm thuỷ sản. Tổ chức tọa đàm về quy định pháp luật trong hoạt động khai thác thủy sản, các nỗ lực khắc phục "thẻ vàng" của Ủy ban châu Âu, phát sóng trên Đài Phát thanh – Truyền hình Gia Lai để lan tỏa rộng rãi đến cộng đồng.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để giúp ngư dân khắc phục khó khăn, yên tâm bám biển sản xuất.

- Tiếp tục phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý Hành chính (C06); Cục Thủy sản và Kiểm ngư hỗ trợ tích hợp dữ liệu Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá vào ứng dụng VNeID trên thiết bị di động.

* Về nuôi trồng thuỷ sản:

- Kịp thời hỗ trợ phục hồi sản xuất sau thiên tai, bão lũ; triển khai chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; chính sách hỗ trợ giống, vật tư, con giống trong vùng thiệt hại do dịch bệnh.

- Tổ chức nhiều lớp tập huấn, giám sát môi trường, hướng dẫn kỹ thuật xử lý ao nuôi, cải tạo vùng nuôi, phòng bệnh chủ động (AHPND, WSSV, EHP...). Giám sát định kỳ 4 lần/tháng tại các vùng trọng điểm; tỷ lệ diện tích bị dịch giảm trên 40% so với cùng kỳ.

- Định kỳ 02 lần/tháng lấy mẫu phân tích, kiểm tra các yếu tố môi trường và đưa ra khuyến cáo giúp các hộ nuôi chủ động trong công tác lấy nước, xử lý nước phục vụ nuôi trồng thủy sản tại 13 điểm cung cấp nước cho các vùng nuôi tập trung ven biển và hồ chứa. Các yếu tố kiểm tra, quan trắc gồm: Nhiệt độ nước, pH, độ mặn, độ kiềm, COD, NH3, NO3, PO4, NO2 , Vibrio tổng số, Độ trong, DO (Oxy hòa tan), N-NH4+, H2S, TSS (Tổng chất rắn lơ lửng), Aeromonas spp, Streptococcus spp, Coliform, Thực vật phù du, Thuốc bảo vệ thực vật (01 nhóm Clo hữu cơ), Cd, Hg, Pb và định lượng tảo.

- Thực hiện mô hình nuôi lồng HDPE tại các hồ chứa lớn, nuôi tôm nước lợ ứng dụng công nghệ nhà màng, Biofloc, Semi biofloc, nuôi an toàn sinh học, góp phần thích ứng biến đổi khí hậu và giảm ô nhiễm môi trường

- Khuyến khích hình thành tổ hợp tác, hợp tác xã nuôi trồng thủy sản cộng đồng nhằm chia sẻ rủi ro, cùng tiêu thụ sản phẩm, tạo chuỗi giá trị…

- Rà soát quy hoạch vùng nuôi tập trung, xác định khu vực phù hợp phát triển nuôi công nghiệp. Tăng cường cấp Giấy xác nhận nuôi lồng/bè, cơ sở đủ điều kiện sản xuất giống và thức ăn – đảm bảo truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số: Một số cơ sở triển khai quan trắc môi trường trực tuyến, hệ thống cảnh báo dịch bệnh sớm, ứng dụng AI trong quản lý chất lượng nước, camera giám sát vùng nuôi. Triển khai sử dụng Nhật ký điện tử cho tất cả tàu cá của tỉnh từ 12m trở lên, cập nhật sản lượng và truy xuất sản phẩm. Thực hiện số hóa dữ liệu tàu cá, vùng nuôi và quản lý cơ sở dữ liệu trên hệ thống Vnfishbase.

4. Về lâm nghiệp

4.1. Hỗ trợ trong công tác sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp sử dụng, ứng dụng công nghệ gen, nuôi cấy mô để nhân giống vô tính trong sản xuất giống nhằm phát hiện, lựa chọn các giống cây có đặc tính tốt, năng suất cao, chống chịu sâu bệnh tốt. Từ đó tạo ra một lượng lớn cây giống đồng đều, có chất lượng cao, giúp chủ động nguồn cung giống và đẩy nhanh quá trình nhân giống.

- Ứng dụng công nghệ sinh học cải tiến tính trạng quý trên các loại cây trồng lâm nghiệp chủ lực, tăng sức chống chịu sâu, bệnh mang lại giá trị kinh tế cao nhằm chuyển giao nhân rộng vào thực tiễn.

- Làm chủ công nghệ nhân giống vô tính đối với một số cây trồng lâm nghiệp quy mô công nghiệp; nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành, đáp ứng nhu cầu sản xuất trong nước và xuất khẩu.

- Bảo tồn, lưu giữ, phục tráng nguồn gen cây trồng, những giống quý hiếm, giá trị kinh tế cao ở địa phương nghiên cứu du nhập những giống mới có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với đặc điểm vùng sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Thực hiện tốt quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong khâu gieo ươm tạo cây con, chăm sóc rừng giống.

- Hiện tên địa bàn tỉnh đã có 04 đơn vị đang ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất cây nuôi cấy mô trong sản xuất cây giống lâm nghiệp, công suất sản xuất 42 triệu cây giống/năm, bao gồm: 01 đơn vị nhà nước là Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn và 03 đơn vị tư nhân là Công ty TNHH Vũ Hà, Doanh nghiệp Tư nhân dịch vụ cây trồng Nguyên Hạnh và Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Lâm Nghiệp Thái Xuân Biên. Số lượng cây giống sản xuất hàng năm: 216 triệu cây/năm. Trong đó: cây giống sản xuất bằng phương pháp giâm hom: 182 triệu cây/năm, cây giống sản xuất bằng hạt: 4 triệu cây/năm; cây giống sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô: 30 triệu cây/năm.

4.2. Hỗ trợ ứng dụng công nghiệp sinh học trong quá trình trồng rừng

- Vận động các chủ rừng đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học trong quá trình trồng rừng từ khâu chọn giống, chăm sóc, bảo vệ…đảm bảo sức khoẻ con người, tránh gây ô nhiễm môi trường.

- Ứng dụng công nghệ sinh học tạo các chế phẩm sinh học thế hệ mới, kít chẩn đoán, quản lý dịch bệnh cây trồng.

- Sử dụng phân hữu cơ, các chế phẩm sinh học, chế phẩm sinh học cải tạo đất thay thế một số loại thuốc hóa học trong phòng trừ dịch hại cây trồng, nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cải tạo đất, đảm bảo sức khỏe con người, vật nuôi; tạo cơ

sở hình thành nền kinh tế nông nghiệp tuần hoàn mang lại giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững.

- Tham gia các hoạt động khuyến nông, lâm, ngư và khuyến công để tiếp cận các tiến bộ, kỹ thuật của công nghệ sinh học nông nghiệp tạo cơ sở cho việc phát triển công nghiệp sinh học ngành lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4.3. Hỗ trợ trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, như:

- Ứng dụng phần mềm Mapinfor, phần mềm QGis để theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp; các dữ liệu về tài nguyên rừng, đất rừng được số hóa; xây dựng cơ sở dữ liệu và biên tập bản đồ trên nền dữ liệu các lô rừng quản lý và các lô rừng biến động do các nguyên nhân, như: cháy rừng, phá rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, trồng mới, khai thác, sâu bệnh,...

- Ứng dụng phần mềm Vtools mapinfo, Google Earth,… để phục vụ công tác theo dõi hiện trạng rừng, giúp thu thập dữ liệu hình ảnh nhanh, kịp thời đối chiếu giữa bản đồ hiện trạng rừng với ảnh vệ tinh tại thời điểm cập nhật để phát hiện sớm các biến động về diện tích, hiện trạng để kịp thời tổ chức kiểm tra, xác minh ngoài hiện trường, cập nhật theo quy định.

- Ứng dụng trên máy vi tính như: Mapsource, Mapinfo, Global Mapper, Google Earth, FME,…; các ứng dụng trên điện thoại: GPS Kit, Igeotrans X, Google Earth, Locus Map Free, MAPinr, SW Maps, Tọa độ VN,… Việc sử dụng các ứng dụng đã hỗ trợ rất tốt cho lực lượng kiểm lâm trong quá trình tác nghiệp ngoài thực địa, dữ liệu có thể kết xuất chuyển sang sử dụng trên nền các phần mềm GIS trên máy vi tính để phục vụ số hóa, cắt tách diện tích biến động hoặc thống kê số liệu phục vụ công tác, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và công tác theo dõi, cập nhật diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để phát hiện sớm các điểm cháy rừng: Hiện nay lực lượng kiểm lâm đang ứng dụng phần mềm cảnh báo cháy rừng trên hệ thống thông tin cảnh báo cháy sớm tại địa chỉ Website: http://kiemlam.org.vn hoặc http://kiemlambinhdinh.snnptnt.binhdinh.gov.vn để phát hiện sớm các điểm cháy rừng, góp phần tổ chức triển khai chữa cháy kịp thời, giảm đáng kể thiệt hại do cháy rừng gây ra.

- Ứng dụng phần mềm thống kê các vụ vi phạm pháp luật lâm nghiệp và triển khai cho các đơn vị trực thuộc thực hiện việc cập nhật đối tượng vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh. Nhờ ứng dụng phần mềm, công tác xác minh, truy cứu đối tượng vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh được nhanh chóng, kịp thời và chính xác, đảm bảo được tính hiệu quả trong quá trình đấu tranh, xác minh đối tượng vi phạm, củng cố hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đảm bảo thời hạn theo đúng quy định của pháp luật.

4.4. Tiểu dự án 1 của Dự án 3 (Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân):

- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã thuộc khu vực II, III theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định. Đến nay, qua tổng hợp kết quả của các

địa phương và đơn vị chủ rừng báo cáo đề xuất khoán bảo vệ rừng được: 110.329,57 ha.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng được giao cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư là người đồng bào dân tộc thiểu số, người Kinh nghèo hiện cư trú tại các xã thuộc khu vực II, III theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định. Đến nay, qua tổng hợp kết quả của các địa phương và đơn vị chủ rừng báo cáo đề xuất bảo vệ rừng được 25.702,22 ha.

- Trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ: Hộ gia đình thực hiện trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất lâm nghiệp được quy hoạch phát triển rừng sản xuất được giao. Đến nay, qua tổng hợp kết quả của các địa phương và đơn vị chủ rừng báo cáo đề xuất Trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ được 40 ha trên địa bàn UBND xã Ia Pa.

5. Về phát triển nông thôn

5.1. Tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng nâng cao năng lực, hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về kinh tế hợp tác trên các phương tiện thông tin đại chúng để thay đổi nhận thức của cán bộ và người dân về hợp tác xã kiểu mới theo Luật Hợp tác xã năm 2023, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bằng nhiều hình thức như: phóng sự, chuyên đề, tọa đàm trên Đài Phát thanh và Truyền hình Gia Lai; báo Gia Lai,…

- Tổ chức 07 lớp tập huấn cho khoảng 260 lượt người tham gia là cán bộ, thành viên của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh về: Hướng dẫn xây dựng hồ sơ dự án/kế hoạch liên kết, áp dụng chuyển đổi số trong nông nghiệp, xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm đối với các tổ chức trong chuỗi thực phẩm ngành nông nghiệp, hướng dẫn quy trình xây dựng hồ sơ OCOP, xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở, phát triển các hình thức liên kết theo chuỗi giá trị nông sản; chuyển đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.

- Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng (nhà kho, xưởng sơ chế, máy móc, thiết bị,…) cho 14 hợp tác xã nông nghiệp với tổng kinh phí hỗ trợ là 17.210 triệu đồng để thực hiện liên kết sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ nông sản cho thành viên.

- Khảo sát, hỗ trợ, tư vấn thành lập mới, củng cố lại hoạt động của các hợp tác xã. Hỗ trợ thành lập mới 03 hợp tác xã nông nghiệp[1], hợp nhất 01 hợp tác xã[2]; phát triển thêm 02 hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Dự kiến đến ngày 31/12/2025, trên địa bàn tỉnh Gia Lai có khoảng 579 hợp tác xã, 02 Liên hiệp hợp tác xã, trong đó: có 172 hợp tác xã thực hiện tiêu thụ, liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, 79 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp (đạt 14%); 76 hợp tác xã nông nghiệp đăng ký tham gia Chương trình và sở hữu 185 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên.

5.2. Đẩy mạnh, phát huy hiệu quả các mô hình hợp tác, liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo

[1] Hợp tác xã nông nghiệp xanh Vĩnh Thạnh, Hợp tác xã Thanh niên An Toàn, Hợp tác xã dịch vụ và sản xuất tổng hợp Vĩnh Sơn.

[2] Hợp nhất HTX nông nghiệp Phước Sơn I và HTX nông nghiệp Phước Sơn II thành HTX NN Phước Sơn.

hướng phát triển các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn

Thực hiện hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; riêng năm 2025, UBND các cấp phê duyệt 07 dự án/kế hoạch (trong đó, UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ 03 dự án/kế hoạch, UBND cấp huyện phê duyệt 04 Kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ trên địa bàn) đối với sản phẩm lạc, lúa thương phẩm, gà thịt, cá thác lác,…

5.3. Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn

UBND tỉnh Bình Định *(trước đây)* đã ban hành Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 16/5/2025 về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh năm 2025, UBND tỉnh Gia Lai *(trước đây)* đã ban hành Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 19/1/2021 về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2021 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Tính đến ngày 15/10/2025, các địa phương đã tổ chức mở được 24 lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, với tổng số học viên là 621 người; bao gồm các nghề: Trồng và nhân giống nấm, nuôi và phòng trị bệnh cho lợn, nuôi và phòng trị bệnh cho trâu bò, nuôi và phòng trị bệnh cho gà, trồng dâu nuôi tằm, trồng rau an toàn, sửa chữa máy nông nghiệp…

Với đặc thù là nghề nông nghiệp nên lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh sau khi học nghề, phần lớn tự tạo việc làm là chính hoặc tiếp tục làm theo nghề cũ nhưng có sự đầu tư hơn; người lao động đã áp dụng kiến thức được học để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của gia đình qua đó góp phần tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng hiệu quả lao động, nâng cao thu nhập góp phần xóa đói, giảm nghèo, vươn lên thoát nghèo bền vững.

5.4. Về nhà tạm, nhà dột nát

Thực hiện Công điện số 102/CĐ-TTg ngày 06/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Gia Lai đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo cụ thể, giao nhiệm vụ rõ ràng cho các cấp, các ngành, lực lượng vũ trang, các địa phương và huy động toàn thể nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia với tinh thần "Ai có gì giúp nấy". Tính đến ngày 25/7/2025, toàn tỉnh đã thực hiện xây dựng, sửa chữa, 12.520 căn nhà (xây mới: 9.106 căn; sửa chữa: 3.414 căn), đạt 100% kế hoạch:

- Hộ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ: 2.451 căn (xây mới: 1.022 căn; sửa chữa: 1.429 căn), đạt 100%;

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo: 10.069 căn (xây mới: 8.084 căn; sửa chữa: 1.985 căn). Trong đó, các hộ được hỗ trợ từ 02 Chương trình mục tiêu quốc gia là 1.430 căn (xây mới: 1.352 căn; sửa chữa: 78 căn), đạt 100%.

II. Về lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) các cấp

Thực hiện nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ sản xuất giống, sản xuất thương phẩm các loại cây trồng, vật nuôi; chuyển giao các quy trình kỹ thuật canh tác, chăn nuôi tiên tiến; các kỹ thuật phòng trị bệnh, kỹ thuật tưới tiết kiệm, các mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN nâng cao năng suất, chất lượng cây

trồng, vật nuôi,… góp phần chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng, góp phần nâng cao trình độ sản xuất, thay đổi tập quán sản xuất.

2. Hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong xây dựng và thí điểm áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc (TXNG)

Thời gian qua, thông qua các nhiệm vụ KH&CN đã hỗ trợ 01 doanh nghiệp, 03 hợp tác xã và 17 chủ thể sản phẩm OCOP áp dụng hệ thống TXNG theo các tiêu chuẩn quốc gia[3] tỉnh Gia Lai (cũ); hỗ trợ xây dựng hệ thống TXNG sản phẩm, hàng hóa cho 14 nhóm sản phẩm (bưởi, dừa, xoài, ớt, dưa lưới, dầu dừa, nước mắm, gạo, bánh tráng nướng, bún gạo khô, bánh canh rau củ quả, yến, trứng gà, trà dung đối với 19 tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Định (cũ). Đồng thời, hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và nhãn hàng hóa đối với các sản phẩm bưởi, xoài, gạo, bún gạo khô, bánh canh rau củ quả, trứng gà, trà dung cho 08 cơ sở sản xuất.

Bên cạnh đó, trong khuôn khổ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024-2025, đã tư vấn hướng dẫn cho 44 chuỗi cung ứng nông sản (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ đội sản xuất) áp dụng hệ thống TXNG phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia[4] cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tại 38 xã của 09 huyện, thị xã, thành phố Pleiku (bao gồm: chuỗi cung ứng sản phẩm cà phê, sầu riêng, hạt điều, chanh dây và các cung ứng sản phẩm hồ tiêu, gạo, yến sào, trái cây rau quả các loại ...); thực hiện tư vấn xây dựng hồ sơ mã số mã vạch theo tiêu chuẩn GS1 cho 05 đơn vị, cá nhân[5] trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Tư vấn, hướng dẫn áp dụng và đánh giá chứng nhận các loại sản phẩm rau, quả, trái cây theo tiêu chuẩn VietGAP cho 25 lượt tổ chức, doanh nghiệp với tổng diện tích 254,75 ha.

Thường xuyên hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời yêu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh trong hoạt động xây dựng và áp dụng hệ thống TXNG sản phẩm, hàng hoá; tổ chức tập huấn kiến thức về mã số, mã vạch và TXNG tại UBND thành phố Quy Nhơn, UBND thị xã An Nhơn, UBND huyện Tuy Phước, Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã tỉnh (tỉnh Bình Định cũ) và 19 tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

3. Hỗ trợ xác lập các quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh

---

[3] Công ty TNHH Vĩnh Hiệp áp dụng Hệ thống TXNG cho sản phẩm Cà phê nhân; HTX Nông nghiệp Chư A Thai - huyện Phú Thiện áp dụng Hệ thống TXNG cho sản phẩm Gạo Phú Thiện; HTX Dịch vụ vận tải Đak Pơ áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm Rau Đak Pơ; HTX Dịch vụ nông nghiệp Ia Tô - huyện Ia Grai áp dụng Hệ thống TXNG cho sản phẩm Chôm chôm Ia Grai; 17 chủ thể sản phẩm OCOP trên địa bàn 17 huyện, thị xã, thành phố áp dụng Hệ thống TXNG phù hợp tiêu chuẩn quốc gia. Hiện nay, Công ty TNHH Vĩnh Hiệp phối hợp với Trung tâm Mã số, mã vạch quốc gia (Tổ chức chủ trì nhiệm vụ) thực hiện nâng cấp, mở rộng hệ thống với quy mô áp dụng của hệ thống cho toàn bộ đối tượng (Nông hộ, nhà thu mua, đối tác kinh doanh, khách hàng) của doanh nghiệp, gắn với "Xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng đáp ứng yêu cầu EUDR (Quy định không gây mất rừng của Ủy ban Châu Âu) trên địa bàn tỉnh Gia Lai" và các yêu cầu về TXNG của các nhà nhập khẩu; các đơn vị còn lại đang triển khai áp dụng hệ thống TXNG theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh của sản phẩm và đang được các tổ chức chủ trì nhiệm vụ tiếp tục hỗ trợ hướng dẫn sử dụng, cập nhật thông tin TXNG; vận hành hệ thống TXNG; hiệu chỉnh hệ thống cho phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh của chuỗi cung ứng và phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia về hệ thống TXNG

[4] Hệ thống truy xuất nguồn gốc NBC-TRACE (Giải pháp truy xuất nguồn gốc dùng chung do Trung tâm mã số mã vạch quốc gia nghiên cứu và phát triển)

[5] HTX Mộc Thiên Ân đối với sản phẩm hoa đu đủ đực; Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Lâm Gia đối với sản phẩm nước giải khát; hộ Cao Thị Cảnh đối với sản phẩm Cà phê; sản công ty TNHH MTV A Lúa đối với phẩm chuối sấy; Công ty TNHH chế biến nông sản Jrai Ialy đối với sản phẩm cà phê

Phối hợp tổ chức 04 lớp tập cho gần 300 cán bộ, hội viên hội nông dân các cấp trên địa bàn tỉnh về kiến thức, kỹ năng cơ bản trong quá trình đăng ký, xây dựng và phát triển nhãn hiệu cho các nông sản chủ lực của địa phương.

Nhằm đẩy mạnh việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) cho các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm chủ lực của địa phương, tỉnh đã triển khai nhiều hoạt động nhằm hỗ trợ, xây dựng bảo hộ quyền SHTT thông qua việc xây dựng nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm cho các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh. Đến nay, đã được xác lập quyền cho 85 sản phẩm địa phương. Trong đó, 04 sản phẩm được cấp văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý, 77 sản phẩm được cấp văn bằng bảo hộ dưới dạng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận có gắn địa danh của tỉnh và 04 sản phẩm khác đang được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ KH&CN xem xét cấp văn bằng bảo hộ.

4. Hỗ trợ tư vấn các dịch vụ khoa học và công nghệ

Hiện nay, các đơn vị thuộc Sở KH&CN Gia Lai đã phân tích được hầu hết các chỉ tiêu chất lượng các sản phẩm nông sản và đánh giá, chứng nhận VietGAP, nông nghiệp hữu cơ cho các sản phẩm trồng trọt; đồng thời tư vấn cho các tổ chức và cá nhân quản lý, canh tác nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP qua các thiết bị quản lý thông minh như:

- Về hoạt động tư vấn, đánh giá chứng nhận VietGAP: trong năm 2025, thực hiện đánh giá chứng nhận VietGAP cho 09 tổ chức/đơn vị và cá nhân canh tác nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh Gia Lai với tổng diện tích đánh giá là 274 ha.

- Về hoạt động tư vấn đánh giá Nông nghiệp hữu cơ: trong năm 2025, liên hệ và báo giá dịch vụ chứng nhận hữu cơ cho 01 đơn vị đang có nhu cầu đánh giá quy trình sản xuất sản phẩm Nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Tư vấn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các xã phía Tây tỉnh Gia Lai[6].

5. Chuyển giao kết quả nghiên cứu KH&CN

Thực hiện việc bàn giao kết quả nhiệm vụ KH&CN cho 124 tổ chức, cá nhân thụ hưởng. Giai đoạn 2022-2025, đã chuyển giao 31 nhiệm vụ đến các tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Đồng thời tổ chức kiểm tra; giám sát; đôn đốc theo dõi ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định.

Các nhiệm vụ sau khi được nghiệm thu và đăng ký kết quả KH&CN được cập nhật lên Hệ thống cơ sở dữ liệu tỉnh Gia Lai về KH&CN tại địa chỉ: https://vista.gialai.gov.vn/; trên Trang thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ tại địa chỉ: https://skhcn.gialai.gov.vn/; Trang thông tin và cơ sở dữ liệu ứng dụng KH&CN tại địa chỉ: http://gialaicast.vn.

III. Về công tác dân tộc

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

- Tổng kế hoạch vốn năm 2025: 1.578.682,3 triệu đồng (Gia Lai Đông: 295.224,4 triệu đồng; Gia Lai Tây: 1.283.457,9 triệu đồng)

[6] xã Kon Găng, xã Chư Pưh, xã Ia Phí, xã Ia Hrung, phường An Khê

+ Vốn đầu tư phát triển: 861.307,17 triệu đồng (Gia Lai Đông: 157.918,26 triệu đồng; Gia Lai Tây: 703.388,92 triệu đồng);

+ Vốn sự nghiệp: 717.375,14 triệu đồng (Gia Lai Đông: 137.306,14 triệu đồng; Gia Lai Tây: 580.069,0 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân các nguồn vốn ngân sách nhà nước: Giải ngân tổng kế hoạch vốn năm 2025: 416.603,19/1.578.682,3 triệu đồng (Gia Lai Đông: 42.674 triệu đồng; Gia Lai Tây: 276.002 triệu đồng); đạt tỷ lệ 26,39%; trong đó :

+ Vốn đầu tư phát triển: 352.958,2/861.307,17 triệu đồng (Gia Lai Đông: 55,901.8 triệu đồng; Gia Lai Tây: 297,056.4 triệu đồng); đạt tỷ lệ 24,41%.

+ Vốn sự nghiệp: 63.645/717.375,14 triệu đồng (Gia Lai Đông: 25.404 triệu đồng; Gia Lai Tây: 38.241 triệu đồng); đạt tỷ lệ 5,64%.

2. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc

- Thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS: Tổng số người có uy tín trên địa bàn tỉnh là 1.088 người (trong đó, sinh sống tại địa bàn Gia Lai Đông là 121 người, sinh sống tại địa bàn Gia Lai Tây là 967 người); Dự toán sử dụng trong năm 2025 là 2.444 triệu đồng, Sở Dân tộc và Tôn giáo đã phối hợp với các địa phương tổ chức tiếp đón, đi thăm và tặng 967 phần quà Tết cho người có uy tín trong đồng bào DTTS, với kinh phí 544,78 triệu đồng, đạt 22,30% kế hoạch; Hợp đồng với Báo Dân tộc và Phát triển để cấp phát báo cho Người có uy tín theo Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ bằng nguồn vốn giao năm 2025.

- Thực hiện Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 12/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào DTTS phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025": Dự toán sử dụng trong năm 2025 là 2.070 triệu đồng, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương liên quan khẩn trương triển khai thực hiện.

- Chính sách thực hiện theo Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 *(đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND tỉnh Gia Lai Đông),* cụ thể:

+ Về chính sách cấp muối I ốt: Kế hoạch vốn cấp năm 2025: 900 triệu đồng; UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Thực hiện cấp muối I-ốt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định (cũ) năm 2025; hiện đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

+ Chính sách trợ giá sử dụng giống lúa lai: Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện chính sách trợ giá sử dụng giống lúa lai, định mức lượng giống lúa lai cho 01 ha gieo trồng (kg/ha), loại giống trợ giá. Trong 6 tháng đầu năm, đã hỗ trợ 77.468 kg lúa giống, với kinh phí 5.516 triệu đồng[7].

---

[7] Huyện An Lão (vụ đông xuân, hè thu): 41.382 kg, với số tiền 2.938 triệu đồng; Huyện Hoài Ân (vụ hè thu): 7.498 kg, với số tiền 559 triệu đồng; Huyện Tây Sơn (vụ đông xuân, hè thu): 2.007 kg, với số tiền 149 triệu đồng; Huyện Vân Canh (vụ hè thu): 17.937,5 kg, với số tiền 1.213 triệu đồng; Huyện Vĩnh Thạnh (vụ hè thu): 8.323,7 kg, với số tiền 634 triệu đồng; Huyện Phù Cát (vụ đông xuân, hè thu): 320 kg, với số tiền 21 triệu đồng.

3. Các nhiệm vụ khác

- Thực hiện Chỉ thị số 22/CT-TU ngày 10/12/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai Đông về "Tăng cường hoạt động giao lưu kết nghĩa giữa các địa phương, đơn vị đồng bằng với các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số": Có 235 cơ quan, đơn vị đã kết nghĩa với 119 thôn (làng). Thông qua công tác kết nghĩa của các cấp, các ngành, đã huy động các nguồn lực hỗ trợ, giúp đỡ vùng đồng bào dân tộc thiểu số triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất,… đồng thời, nâng cao nhận thức, thay đổi cách nghĩ, cách làm, tập quán sản xuất, giúp nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 05/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai Tây về tăng cường công tác kết nghĩa giữa các cơ quan, đơn vị với thôn, làng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh; các sở, ban, ngành phụ trách kết nghĩa thường xuyên theo dõi, nắm tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, chính trị tại các thôn, làng được kết nghĩa; kịp thời theo dõi, nắm bắt vấn đề nổi cộm phát sinh trên địa bàn phân công phụ trách; phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vận động người dân tại các thôn, làng tích cực tham gia lao động sản xuất, phát triển kinh tế gia đình góp phần ổn định cuộc sống. Trong 9 tháng đầu năm 2025, các cơ quan, đơn vị đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà[8], chăm lo tết cho người dân tại các thôn, làng kết nghĩa với tổng số tiền 159,37 triệu đồng; phối hợp hỗ trợ xây dựng 14 căn nhà[9]; hỗ trợ kinh phí học tập, trao tặng nhiều suất quà cho các em học sinh và hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn[10].

IV. Về đầu tư và tài chính

- Tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ nguồn lực đầu tư cho kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Giai đoạn 2021 – 2025 tổng vốn đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản là 2.978,584 tỷ đồng từ nguồn ngân sách trung ương; 3.843,418 tỷ đồng từ nguồn ngân sách địa phương.

- Chương trình mục tiêu quốc giá xây dựng nông nôn mới năm 2025 tiếp tục phát huy hiệu quả; cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn. Kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 là 675.034 triệu đồng *(bao gồm 106.669 triệu đồng vốn các năm trước kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2025 và 568.365 triệu đồng kế hoạch vốn năm 2025).*

- Tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành chính sách Hỗ trợ chuyển đổi số cho hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Công tác thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp đã phát huy mạnh mẽ tiềm năng của địa phương, mang lại hiệu ứng tích cực cho nền kinh tế. Từ đầu năm đến

---

[8] Các phần quà trao tặng gồm: Bánh kẹo, sữa, nhu yếu phẩm, sách, vở, tiền mặt,….

[9] Sở Ngoại vụ: hỗ trợ xây dựng 01 căn nhà, Sở Tài chính: hỗ trợ xây dựng 01 căn nhà, Sở Giao thông vận tải: hỗ trợ xây dựng 10 căn nhà, Sở Kế hoạch và Đầu tư: hỗ trợ xây dựng 02 căn nhà.

[10] Trao tặng 01 quỹ khuyến học trị giá 50 triệu đồng, 01 máy tính xách tay cho thôn, làng, hỗ trợ 02 thanh niên đào tạo nghề, hỗ trợ 04 con heo giống, 02 máy cắt chuối,….

nay đã thu hút 40 dự án đầu tư thuộc lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản.

B. Các giải pháp hỗ trợ nông dân, phục hồi phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững trong thời gian tới

I. Về lĩnh vực nông nghiệp nông thôn

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030.

- Tăng cường công tác tập huấn nông dân về kỹ thuật điều tra, chăm sóc, phòng trừ sinh vật hại cây trồng, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hiệu quả và an toàn nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn sản xuất và tiêu thụ nông sản trong nước và xuất khẩu.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc hỗ trợ sản xuất theo tiêu chuẩn, thiết lập, duy trì và mở rộng mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền pháp luật về chăn nuôi ; hướng dẫn chăn nuôi an toàn sinh học theo hướng dễ tiếp cận, phù hợp với đối tượng nông dân;

- Tiếp tục xây dựng các chuỗi liên kết theo hướng chặt chẽ, bền vững từ khâu chăn nuôi đến tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp và nông dân. Kết nối, quảng bá, hỗ trợ phát triển thị trường tiêu thụ, ưu tiên liên kết từ nhà chăn nuôi đến các cơ sở giết mổ động vật tập trung, sơ chế, chế biến thực phẩm trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đầu ra ổn định để nông dân yên tâm sản xuất ;

- Định hướng nông dân đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi như: con giống, thức ăn chăn nuôi, hệ thống chuồng trại, xử lý chất thải, phòng, chống dịch bệnh. Khuyến khích, hướng dẫn chuyển dịch từ hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi trang trại theo quy mô phù hợp theo đúng quy định pháp luật.

- Rà soát, ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ nông dân nâng cao năng suất sản xuất, phát triển sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao; Hỗ trợ nông dân tiếp cận tín dụng ưu đãi, chuyển đổi số.

- Tổ chức mô hình điểm về chăn nuôi an toàn dịch bệnh tại các xã vùng sâu vùng xa, vùng biên giới.

- Duy trì thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ cho ngư dân khai thác hải sản xa bờ; xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản và đào tạo nghề cho lao động ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh để từng bước cân bằng lại cường lực khai thác phù hợp với khả năng phục hồi tái tạo của nguồn lợi thủy sản.

- Rà soát, bổ sung quy hoạch chi tiết vùng nuôi tập trung, vùng nuôi biển hở, hồ chứa. Huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng điện, đường, trạm bờ, khu neo đậu, hệ thống cấp – thoát nước vùng nuôi. Tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư, tín dụng, bảo hiểm rủi ro và hỗ trợ lãi suất đầu tư nuôi biển công nghiệp, nuôi công nghệ cao.

- Triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công nghệ khai thác hải sản và bảo quản sản phẩm sau khai thác. Hình thành đội tàu dịch vụ hậu cần nghề cá để thu mua, cung cấp nhiên vật liệu, giúp ngư dân bám biển lâu ngày, nâng

cao hiệu quả khai thác. Áp dụng công nghệ số, công nghệ tiết kiệm nhiên liệu, công nghệ viễn thám để quản lý, vận hành tàu cá trong khai thác thuỷ sản. Tổ chức chuyển giao công nghệ mới trong khai thác thủy sản, nhân rộng nhanh các mô hình ứng dụng công nghệ khai thác thủy sản đạt hiệu quả cao.

- Mở rộng mô hình nuôi tuần hoàn, nuôi ghép sinh thái, sử dụng thức ăn công nghiệp, xử lý nước tuần hoàn. Ứng dụng công nghệ AI, IoT trong quan trắc môi trường, cảnh báo sớm, tối ưu thức ăn, nâng cao hiệu quả. Xây dựng mô hình nuôi thủy sản công nghệ cao thích ứng biến đổi khí hậu quy mô liên kết hợp tác xã/doanh nghiệp.

- Tập trung đầu tư phát triển chế biến xuất khẩu theo chiều sâu, đầu tư nâng cấp các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu để đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đáp ứng yêu cầu của thị trường nhập khẩu. Khuyến khích đầu tư công nghệ mới, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, trong đó ưu tiên đầu tư đổi mới dây chuyền, thiết bị chế biến hiện đại, công nghệ tiên tiến, cải tiến mẫu mã, bao bì… đổi mới và đa dạng hóa sản phẩm chế biến xuất khẩu, kể cả tận dụng phụ phẩm để chế biến các loại sản phẩm ăn liền, ăn nhanh, chế biến các thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thủy sản cho tiêu dùng và xuất khẩu. Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với cơ sở chế biến thủy sản về quản lý an toàn thực phẩm.

- Tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản theo hướng giảm khai thác gần bờ, đẩy mạnh khai thác tại các vùng biển xa bờ đi đôi với thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác đào tạo, chuyển đổi nghề cho ngư dân.

- Bảo vệ và xây dựng ổn định diện tích rừng tự nhiên hiện có, nâng cao chất lượng rừng trồng, góp phần cải thiện môi trường, cân bằng sinh thái, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, tạo nguồn sinh thủy và bảo tồn tính đa dạng sinh học.

- Phát triển kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực lâm nghiệp dựa trên cơ sở đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực trong lâm nghiệp; gia tăng giá trị từ rừng; tăng tỷ lệ phụ phẩm trong lâm nghiệp được tái sử dụng, tái chế, bảo vệ môi trường, tạo việc làm, thúc đẩy quá trình chuyển đổi nông nghiệp xanh, phát thải thấp.

- Hình thành các vùng rừng trồng gỗ lớn tập trung, tăng diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, góp phần tạo ra nguồn nguyên liệu từ rừng trồng đáp ứng nhu cầu cho công nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu.

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát nguồn gốc của cây giống trồng rừng và tuyên truyền người trồng rừng sử dụng cây giống nuôi cấy mô trong trồng rừng sản xuất nhằm nâng cao chất lượng và giá trị rừng trồng.

- Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp và người dân trong phát triển kinh tế hợp tác và liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm trong lâm nghiệp. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người dân trong ứng dụng công nghiệp sinh học để đề xuất các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người dân.

- Nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ, quy trình sản xuất khép kín theo chuỗi, vật tư đầu vào, như: phân bón, thuốc phòng, trừ sâu bệnh hại cây rừng,...từ các chế phẩm sinh học. Chuyển giao, nhân rộng các mô hình, công trình nghiên cứu,

ứng dụng khoa học công nghệ được Nhà nước công nhận, phục vụ phát triển lâm nghiệp bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên, hướng tới kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Khuyến khích các mô hình tổ chức liên kết, liên doanh sản xuất, thương mại... theo chuỗi giá trị với sự tham gia của các hội, hiệp hội. Tổ chức lại khai thác hải sản trên biển, trên cơ sở cơ cấu lại tàu thuyền, nghề nghiệp phù hợp với ngư trường và nguồn lợi; củng cố và phát triển các mô hình hợp tác sản xuất: tổ đội, hợp tác xã, liên kết giữa sản xuất - thu mua - chế biến - tiêu thụ.

- Tổ chức chương trình đào tạo cho người nuôi nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ trong sản xuất. Tập huấn về an toàn sinh học, sử dụng thuốc – hóa chất hợp lý, quản lý vùng nuôi bền vững.

- Khuyến khích hình thành hợp tác xã nuôi biển, liên kết chuỗi giá trị. Phát triển thương hiệu thủy sản của tỉnh và truy xuất nguồn gốc sản phẩm; hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

- Tổ chức tốt khai thác hải sản bền vững, bảo vệ tốt nguồn lợi thủy sản, đạt mức tăng trưởng vừa phải, chú trọng đến nâng cao chất lượng bảo quản sản phẩm sau khai thác nhằm tăng giá trị, giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Tiếp tục tăng cường triển khai thực thi có hiệu quả Luật Thủy sản năm 2017 và chống khai thác bất hợp pháp không báo cáo, không theo quy định; với mục tiêu không còn tàu thuyền đánh bắt cá của tỉnh vi phạm vùng lãnh hải nước ngoài.

- Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường liên kết vùng, cảnh báo sớm cho các vùng nuôi trọng điểm. Tiếp tục triển khai thả giống tái tạo nguồn lợi, mở rộng mô hình đồng quản lý khu bảo vệ biển. Thực hiện phân loại, thu gom rác thải nhựa đại dương.

- Tiếp tục tăng cường triển khai thực thi có hiệu quả Luật Thủy sản năm 2017 và chống khai thác bất hợp pháp không báo cáo, không theo quy định (IUU); với mục tiêu không còn tàu thuyền đánh bắt cá của tỉnh vi phạm vùng lãnh hải nước ngoài.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án di dời tàu thuyền neo đậu tại khu vực đầm Đề Gi và cảng cá Quy Nhơn ra neo đậu tại khu vực cảng cá Tam Quan; Xây dựng Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản và đào tạo nghề cho lao động ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai, đi đôi với việc tiếp thu ý kiến và hỗ trợ chuyển đổi sinh kế cho người dân.

- Tổ chức thực hiện việc giao khu vực biển, cấp phép nuôi trồng thủy sản hồ chứa theo quy định. Đẩy mạnh công tác đăng ký xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực theo quy định Luật thủy sản.

II. Khoa học và công nghệ

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật phù hợp với điều kiện sinh thái đặc thù của từng vùng trong tỉnh.

- Nghiên cứu một số nguồn gen bản địa có giá trị nhằm phục vụ công tác bảo tồn, phát triển kinh tế xã hội; Nghiên cứu phát triển dược liệu, ứng dụng công nghệ cao trong việc bảo tồn, lưu giữ và khai thác hợp lý nguồn gen cây dược liệu, các loại cây trồng đặc hữu của địa phương.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ cao vào sản xuất, bảo quản, chế biến, chiết xuất dược liệu; Ứng dụng công nghệ cao trong xây dựng các mô hình sản xuất nông - lâm nghiệp công nghệ cao phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương; sản xuất nông - lâm nghiệp – thủy sản theo tiêu chuẩn chứng nhận (tiêu chuẩn hữu cơ, GlobalGAP, VietGAP…) để phục vụ xuất khẩu.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, mô hình sản xuất nông nghiệp mới làm hình mẫu cho các vùng chuyên canh, đáp ứng yêu cầu thị trường như: Nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái, tiết kiệm tài nguyên và giảm khí thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp (chế biến nông sản, tái chế phế, phụ phẩm, sản xuất năng lượng tái tạo...), nông nghiệp kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ kinh doanh nông sản...).

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động và đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, trong đó khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân. Đặc biệt cần lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường liên kết "4 nhà" (Nhà nước - Nhà khoa học - Doanh nghiệp - Nông dân) trong tổ chức sản xuất và phát triển thị trường; hình thành các mô hình liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ ổn định.

III. Công tác dân tộc

Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giai đoạn đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

IV. Về đầu tư và tài chính

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả phân bổ, giải ngân các nguồn vốn đầu tư công; ưu tiên đầu tư hạ tầng nông nghiệp;

- Lồng ghép nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia cho phát triển hạ tầng thiết yếu; ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước được phân bổ đầu tư cho các địa bàn khó khăn để góp phần thu hẹp khoảng cách xây dựng nông thôn mới giữa các vùng, miền.

- Tiếp tục hướng dẫn người dân và doanh nghiệp thực hiện các chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

V. Các địa phương trong tỉnh

- Tiếp tục tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng mùa vụ phù hợp với lợi thế, nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu của địa phương. Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo ra các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung và tổ chức sản xuất theo chuỗi.

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, sử dụng giống năng suất và chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, ứng dụng cơ giới hóa, thực hiện các quy trình kỹ thuật tiên tiến, biện pháp thâm canh bền vững, giảm sử dụng các loại phân

bón vô cơ, hóa chất bảo vệ thực vật, giám sát dự báo và thực hiện tốt các biện pháp phòng chống sâu bệnh.

- Từng bước chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung, trang trại, gia trại; khuyến khích áp dụng công nghệ cao, chăn nuôi an toàn sinh học để hạn chế dịch bệnh và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh công tác lai tạo đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo. Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ, chính sách phát triển gà thả đồi.

- Tăng cường hỗ trợ nông dân về ứng dụng kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, mô hình nông nghiệp sạch, hữu cơ, tuần hoàn.

- Đẩy mạnh liên kết giữa hộ nông dân - hợp tác xã - doanh nghiệp để tạo chuỗi cung ứng ổn định, tiêu thụ sản phẩm.

- Nâng cấp hạ tầng nông nghiệp, cải thiện thủy lợi, giao thông nội đồng, hệ thống tưới tiêu để hỗ trợ sản xuất hai vụ.

- Tăng cường thực hiện công tác phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên – môi trường gắn với sản xuất nông nghiệp.

- Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ và nông dân, phát triển mô hình khởi nghiệp nông nghiệp – nông thôn, khuyến khích thanh niên và phụ nữ tham gia.

- Triển khai thực hiện các chính sách, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn; thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn, phát triển sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ.

- Đẩy mạnh đào tạo nghề cho nông dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành nông nghiệp. Phối hợp với các đơn vị tín dụng hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất để tháo gỡ khó khăn về vốn cho nông dân, doanh nghiệp áp dụng công nghệ cao vào sản xuất.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia và đẩy mạnh phát triển chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của người dân.

UBND tỉnh thông tin về kết quả thực hiện các giải pháp hỗ trợ nông dân, phục hồi phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững trên địa bàn tỉnh thời gian qua và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ nông dân, phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời gian tới để Hội Nông dân Việt Nam xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch, đ/c Tiệp - PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, N2.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Mah Tiệp